

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

**CÁ TRÁ VIỆT NAM:**  
**Một số kết quả nghiên cứu về nhu cầu,**  
**khả năng cạnh tranh và quản trị chuỗi toàn cầu**

Nguyễn Tiến Thông, University of Southern Denmark  
Email: [ntt@sam.sdu.dk](mailto:ntt@sam.sdu.dk)/[thongtiennguyen@gmail.com](mailto:thongtiennguyen@gmail.com)

**VASEP-HCM -09/05/2016**

Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      1

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Nội dung

- I. Giới thiệu ngành cá tra Việt Nam
- II. Nghiên cứu 1: Phân tích nhu cầu thế giới
- III. Nghiên cứu 2: Phân tích khả năng cạnh tranh
- IV. Nghiên cứu 3: Phân tích liên kết chuỗi
- V. Một số gợi ý chính sách phát triển

Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      2



# Giới thiệu ngành cá tra

- Hai loại: *Pangasius bocourti*(basa) & *Pangasianodon hypophthalmus* (tra)
- Bắt đầu nuôi từ 1960s, lồng bè trên sông (basa)
- Hiện nay cá tra chiếm đa số;
- Sản lượng nuôi (2015) hơn 1,1 triệu tấn, 6000ha;
- Giá trị XK 2015: \$1.6 tỷ
- Năng suất cao c.a. 210 tấn/ha
- Mục tiêu 2020: 1,85 triệu tấn & 13,000ha



Ngành cá tra

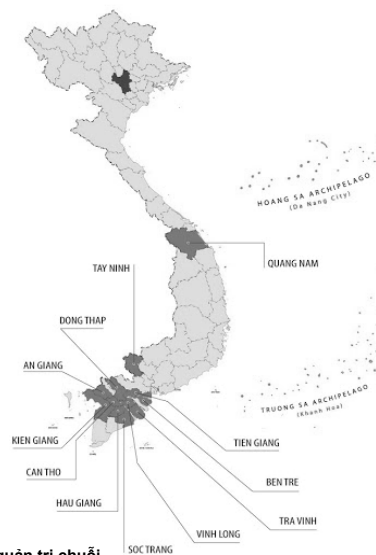
Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi



Table : Pangasius production area and volume in 2014 by provinces

No.	Province	Area (ha)	Volumm (tones)
1	Đồng Tháp	1,940.00	365,437.00
2	An Giang	707.60	292,524.70
3	Bến Tre	700.40	158,850.00
4	Cần Thơ	856.00	142,018.00
5	Vĩnh Long	423.17	101,331.90
6	Tiền Giang	117.00	35,837.00
7	Hậu Giang	167.33	35,185.80
8	Sóc Trăng	100.00	23,000.00
9	Tây Ninh	53.00	8,354.00
10	Trà Vinh	11.30	6,277.00
11	Kiên Giang	11.00	1,938.00
<b>Total</b>		<b>5,086.80</b>	<b>1,170,753.40</b>

## LOCATION OF PANGASIUS AQUACULTURE REGIONS IN VIETNAM



Ngành cá tra

Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi



## Thị trường

- Xuất khẩu trên 90%;
- Tuyệt đại đa số là phi lê đông lạnh;
- Mỹ, EU là các thị trường quan trọng;
- Các thị trường mới: Nam Mỹ, Đông Âu & Nga, Úc, Á Châu;
- Chưa thể xuất trực tiếp cho các siêu thị lớn?




## Các vấn đề về thị trường

- Quy mô thị trường tới đâu? Có nên mở rộng xuất khẩu?
- Mức độ cạnh tranh với các sản phẩm khác?
- Sản phẩm mới?
- Kênh phân phối mới?
- Các thị trường có liên thông? Ai hưởng lợi nhất?

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

# Nghiên cứu 1: Phân tích nhu cầu thị trường




Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      7

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

# Vấn đề nghiên cứu

1. Có nên tăng cung xuất khẩu?
2. Thị trường nào còn nhiều dư địa cho xuất khẩu?
3. Các thị trường xuất khẩu có thay thế nhau?
4. Nhà sản xuất cá tra bị tổn thương tới đâu khi có khủng hoảng kinh tế?



Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      8

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Hệ thống cầu ngược (Inverse almost ideal demand system)

UNIVERSITY OF SOUTHERN DENMARK

---

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 9

Syddansk Universitet

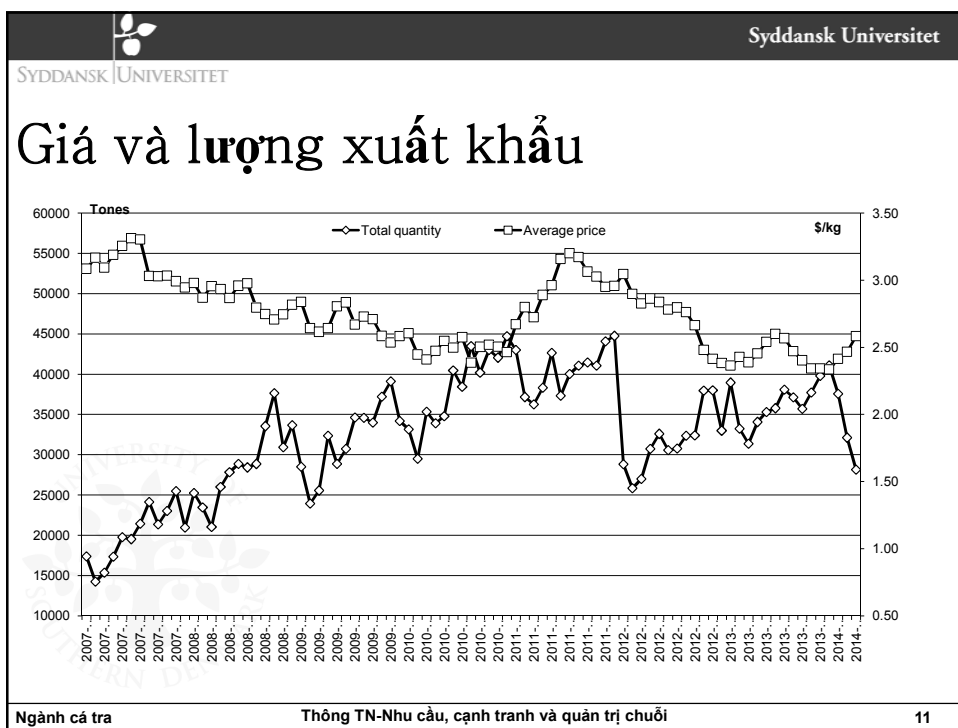
SYDDANSK UNIVERSITET

## Thị phần xuất khẩu (2007–2014)

Region	Share (%)
Western EU	40.1%
North America	24.3%
South & Central America	11.2%
Russia & Eastern EU	10.9%
Asean & East Asia	7.1%
Oceania	3.9%
ROW	2.5%

---

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 10



Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Kết quả theo khu vực

Khu vực	Thị phần (%)	Tăng XK 1% thì giá XK sẽ giảm (%) là	Quy mô tiêu dùng giảm 1% thì nhu cầu cá tra sẽ giảm (%) là
Asian và đông Á	7.5	0.289	1.122
Bắc Mỹ	24.2	0.354	1.142
Châu Úc	3.7	0.270	1.100
Nga & Đông Âu	10.5	0.248	1.160
Trung & Nam Mỹ	12.1	0.200	0.151
Tây Âu	39.4	0.575	1.102
Vùng khác	2.7	0.917	0.937
Bình quân		0.419	~1.00

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 12



## Kết quả theo nước nhập khẩu

Nước nhập khẩu	Thị phần (%)	Tăng XK 1% thì giá XK sẽ giảm (%) là	Quy mô tiêu dùng giảm 1% thì nhu cầu cá tra sẽ giảm (%) là
Mỹ	21.7	0.223	0.908
Tây Ban Nha	10.1	0.177	1.008
Hà Lan	7.2	0.079	0.972
Ba Lan	5.2	0.185	1.318
Úc	3.6	0.191	1.060
Nhật	1.4	0.493	1.170
Nước khác	50.8	0.547	1.001



## Kết luận

- Tăng 1% cung giá xuất khẩu chỉ giảm bình quân 0.419% => Gợi ý cắt giảm lượng cung là không có cơ sở;
- Thị trường Nam Mỹ, Trung Âu & Nga, Châu Á & Châu Úc còn nhiều tiềm năng để xuất khẩu;
- Nam Mỹ coi cá tra đông lạnh là mặt hàng cao cấp;
- Sản phẩm cá tra nhìn chung được coi là mặt hàng thứ cấp (cần thiết), giá rẻ, phù hợp với người thu nhập thấp;
- Nhu cầu không phụ thuộc vào quy mô tiêu dùng => ít bị tổn thương khi có khủng hoảng kinh tế;
- Các thị trường có khả năng thay thế cho nhau; đặc biệt là giữa Mỹ và EU. Các thị trường nhỏ khác cũng có khả năng thay thế 2 thị trường này.



## Nghiên cứu 2 Khả Năng Cạnh Tranh



## Vấn đề nghiên cứu

- Khả năng cạnh tranh và mức độ tổn thương của sản phẩm cá tra trên thị trường bán lẻ?
- Quy mô và định vị thị trường cho sản phẩm cá tra?






Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Thí nghiệm sự lựa chọn (CE)

*Nếu chỉ có duy nhất giờ các mặt hàng thủy sản tươi dưới đây, xin chọn một sản phẩm cho bữa ăn tối bình thường của gia đình bạn? Bạn có thể chọn một sản phẩm hoặc chọn "Không sản phẩm nào".*

<b>Cá hồi</b> Phi lê Nhập khẩu Nuôi trồng <b>11.1 €/kg</b>	<b>Cá Tra</b> Khúc Nhập khẩu Nuôi trồng <b>10.3 €/kg</b>	<b>Cá ngừ</b> Khúc Nhập Đánh bắt <b>12.5 €/kg</b>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<b>Hàu</b> Đông lạnh Pháp Nuôi trồng <b>7.9 €/kg</b>	<b>Vẹm</b> Đông đá Pháp Nuôi trồng <b>3.9 €/kg</b>	<b>Tôm</b> Còn sống Pháp Nuôi trồng <b>20.3 €/kg</b>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>




Không chọn sản phẩm nào

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 17

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Mô hình lựa chọn & phân khúc



Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 18



## Hệ số co giãn (bình quân thị trường)

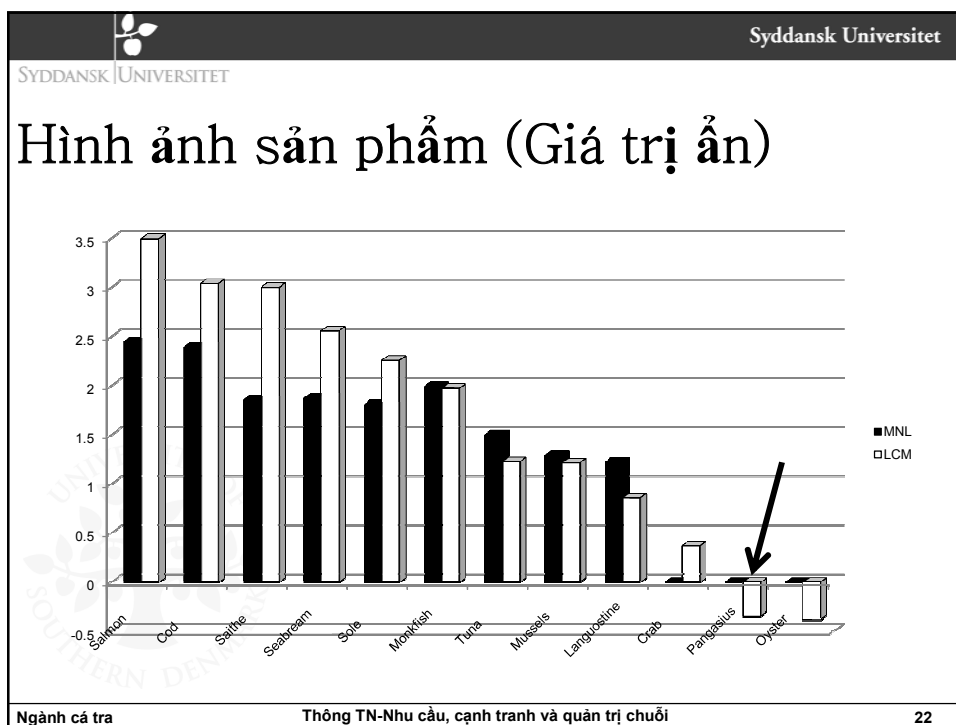
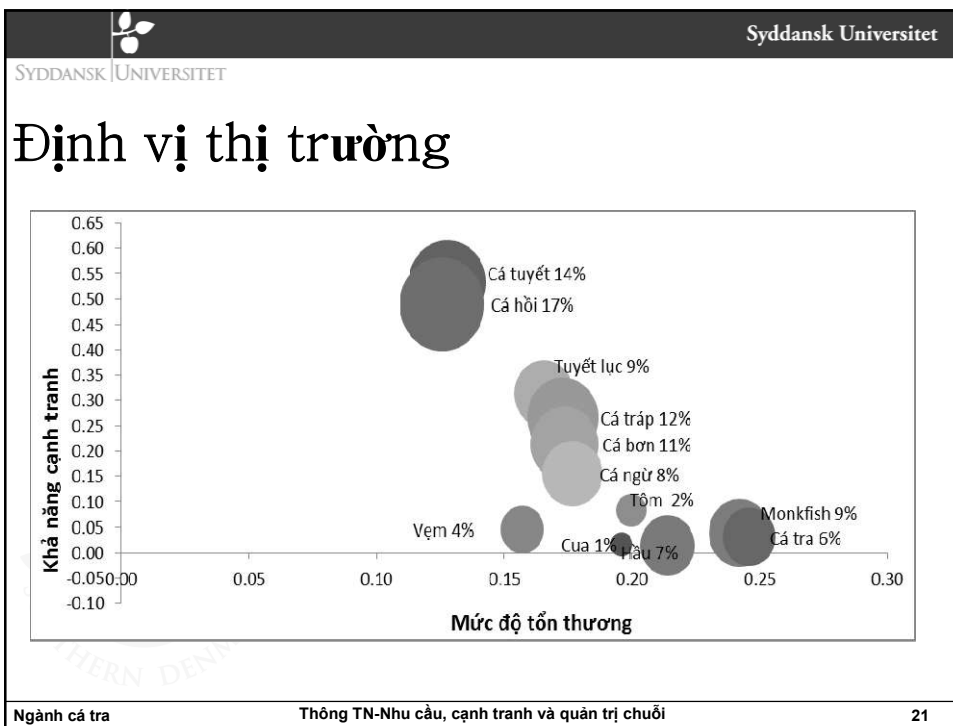
Hệ số co giãn của thị phần theo giá

$e_{ij}$	Cá tuyết	Cua	Tôm	Cá chày	Vẹm	Hàu	Cá tra	Tuyết lục	Cá hồi	Cá trap	Cá bon	Cá ngừ
Cá tuyết	<b>-1.43</b>	0.23	0.22	0.21	0.21	0.22	0.25	0.23	0.2	0.22	0.22	0.22
Cua	0.04	<b>-1.14</b>	0.03	0.04	0.04	0.05	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
Tôm	0.08	0.08	<b>-1.97</b>	0.08	0.07	0.1	0.10	0.08	0.09	0.08	0.11	0.08
Cá chày	0.05	0.06	0.05	<b>-2.43</b>	0.05	0.06	0.05	0.07	0.05	0.09	0.06	0.05
Vẹm	0.06	0.08	0.05	0.06	<b>-0.41</b>	0.07	0.10	0.06	0.06	0.05	0.05	0.05
Hàu	0.03	0.04	0.04	0.04	0.04	<b>-0.98</b>	0.03	0.04	0.03	0.04	0.03	0.04
Cá tra	0.05	0.06	0.05	0.05	0.07	0.05	<b>-1.03</b>	0.07	0.05	0.05	0.04	0.03
Tuyết lục	0.16	0.05	0.16	0.23	0.14	0.19	0.24	<b>-1.13</b>	0.14	0.18	0.16	0.14
Cá hồi	0.19	0.23	0.22	0.21	0.2	0.2	0.24	0.19	<b>-1.53</b>	0.19	0.2	0.24
Cá trap	0.14	0.16	0.14	0.24	0.12	0.16	0.16	0.16	0.12	<b>-1.34</b>	0.15	0.13
Cá bon	0.13	0.14	0.17	0.15	0.11	0.14	0.12	0.14	0.12	0.14	<b>-2.22</b>	0.15
Cá ngừ	0.11	0.14	0.12	0.11	0.1	0.14	0.08	0.11	0.13	0.11	0.13	<b>-1.84</b>



## Chỉ số cạnh tranh & tổn thương

Sản phẩm	Khả năng cạnh tranh	Mức độ tổn thương	Thị phần	Độ co giãn
Cá tuyết	0.53	0.13	0.14	-1.43
Cua	0.02	0.20	0.01	-1.14
Tôm	0.08	0.20	0.02	-1.97
Cá chày	0.04	0.24	0.09	-2.43
Vẹm	0.04	0.16	0.04	-0.41
Hàu	0.01	0.21	0.07	-0.98
<b>Cá tra</b>	<b>0.03</b>	<b>0.25</b>	<b>0.06</b>	<b>-1.03</b>
Tuyết lục	0.31	0.17	0.09	-1.13
Cá hồi	0.49	0.13	0.17	-1.53
Cá trap	0.27	0.17	0.12	-1.34
Cá bon	0.21	0.17	0.11	-2.22
Cá ngừ	0.15	0.18	0.08	-1.84




SYDDANSK UNIVERSITET		Syddansk Universitet			
<h2>Phân khúc thị trường</h2>					
<b>Phân khúc thị trường cho sản phẩm cá tra trên thị trường Pháp</b>					
Đặc điểm phân khúc	Phân khúc 1	Phân khúc 2	Phân khúc 3	Phân khúc 4	
<i>Kích cỡ phân khúc (%)</i>	42.5%	26.1%	19.5%	11.9%	
<i>Đặc điểm người tiêu dùng</i>	Thu nhập cao, trình độ giáo dục cao	Thu nhập cao, trình độ giáo dục cao	Thu nhập trung bình, trình độ giáo dục trung bình	Thu nhập thấp, trình độ giáo dục thấp	
	Nữ chiếm đa số	Nam chiếm đa số	Nam chiếm đa số	Nữ chiếm đa số	
	Gia đình không có trẻ em	Gia đình không có trẻ em	Gia đình không có trẻ em	Gia đình có trẻ em	
<i>Mức độ nhạy cảm về giá</i>	Trên 45 tuổi chiếm đa số	Dưới 34 tuổi chiếm đa số	Tuổi không phân biệt	Lứa tuổi trung bình chiếm đa số	
	Độ nhạy về giá là trung bình	Không nhạy cảm về giá	Độ nhạy về giá là trung bình	Rất nhạy cảm về giá	
	Cá tuyết, tuyết lục, cá tráp, cá hồi	Cá hồi, cá tuyết	Cá hồi, cá tuyết, vém	<b>Cá tra</b>	
<i>Sản phẩm có vị trí thị trường mạnh</i>					
<i>Thị phần của cá tra trong phân khúc</i>	6.0%	6.0%	5.6%	9.8%	
<b>Ngành cá tra</b>		<b>Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi</b>			<b>23</b>

SYDDANSK UNIVERSITET		Syddansk Universitet	
<h2>Kết luận</h2>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Cá tra là sản phẩm cấp thấp, giá rẻ, phải cạnh tranh với những sản phẩm thị trường có ưu thế hơn;</b></li> <li>• <b>Thị phần tiềm năng khá cao (so với những sản phẩm giá thấp);</b></li> <li>• <b>Độ tổn thương cao, khả năng cạnh tranh thấp;</b></li> <li>• <b>Hình ảnh sản phẩm trên thị trường không tốt;</b></li> <li>• <b>Thuộc phân khúc người thu nhập thấp, lao động phổ thông, gia đình đông con.</b></li> </ul>			
<b>Ngành cá tra</b>		<b>Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi</b>	
		<b>24</b>	

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Nghiên cứu 3: Phân tích liên kết thị trường

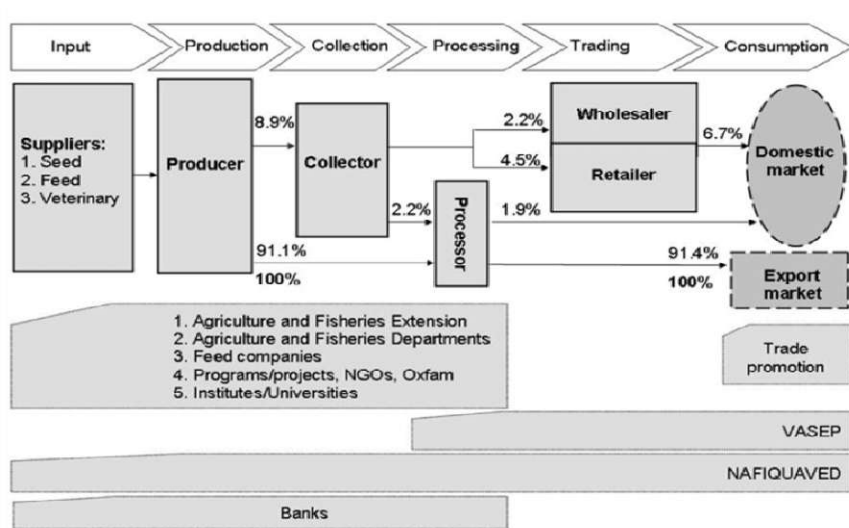


Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      25

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Chuỗi cá tra



**Input**      **Production**      **Collection**      **Processing**      **Trading**      **Consumption**

**Suppliers:**  
1. Seed  
2. Feed  
3. Veterinary

**Producer** → **Collector** (8.9%)

**Producer** → **Processor** (91.1%)

**Collector** → **Processor** (2.2%)

**Processor** → **Wholesaler** (2.2%)

**Processor** → **Retailer** (4.5%)

**Processor** → **Export market** (91.4%)

**Wholesaler** → **Domestic market** (6.7%)

**Retailer** → **Domestic market** (1.9%)

**Export market** (100%)

**Domestic market** (6.7%)

**Support Organizations:**

- 1. Agriculture and Fisheries Extension
- 2. Agriculture and Fisheries Departments
- 3. Feed companies
- 4. Programs/projects, NGOs, Oxfam
- 5. Institutes/Universities

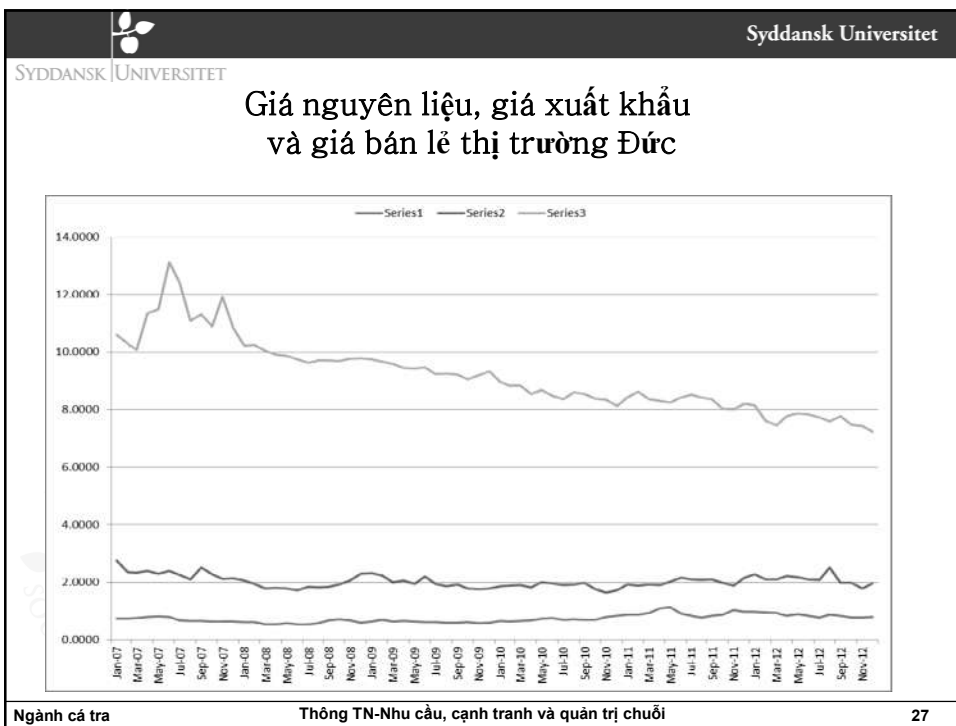
**Trade promotion**

**VASEP**

**NAFIQUAVED**

**Banks**

Ngành cá tra      Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi      26



Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Vấn đề nghiên cứu


- Các thị trường có liên thông không (law of one price)?
- Ai dẫn dắt thị trường?
- Làm gì để tác động lên chuỗi giá trị?

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 28

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Mô hình: Vector Error Corection Model



Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 29

Syddansk Universitet


SYDDANSK UNIVERSITET

## Kết quả: thị trường có liên thông?

Table 3: Test for Law of One Price and Weak Exogeneity in Bivariate VECMs

	LOP	Weak exogeneity	
		First	Second
Farm-Export	9.83 (p<0.0017)	<b>0.16 (p=0.689)</b>	20.62 (p<0.001)
Retail-Export	17.62 (p=0.0001)	<b>0.90 (p=0.322)</b>	12.52 (p<0.001)
Retail-Farm	4.55 (p=0.0329)	<b>0.00 (p=0.969)</b>	4.89 (p=0.027)

- Có mối liên hệ dài hạn giữa giá bán lẻ và giá XK;
- Có mối liên quan dài hạn (yếu) giữa giá nguyên liệu và giá xuất khẩu;
- Không có liên thông trực tiếp giữa thị trường nguyên liệu và thị trường bán lẻ;
- Cả giá bán lẻ và giá nguyên liệu đều ảnh hưởng tới giá xuất khẩu, nhưng giá bán lẻ chi phối chính;
- Nhà bán lẻ vẫn đang chi phối và dẫn dắt thị trường



Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 30

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Kết quả: VECM

**Table 4. Vector error correction and cointegration estimation <sup>(a)</sup>**

	Model 1 (Farm-> Export)		Model 2 (Retail->Export)	
	Coef.	Std.Err.	Coef.	Std.Err.
$\alpha_1$ (adjustment)	-0.261**	0.096	-0.390**	0.124
$\alpha_2$ (adjustment)	-0.108	0.096	0.031	0.094
$\gamma_1$ (constant)	-0.001	0.008	0.000	0.008
$\gamma_2$ (constant)	0.003	0.008	-0.006	0.006
$\delta_{11}$	-0.213*	0.117	-0.163	0.124
$\delta_{12}$	-0.130	0.123	-0.012	0.166
$\delta_{21}$	0.059	0.117	0.042	0.094
$\delta_{22}$	0.075	0.123	-0.152	0.126
<b>Cointegrating parameter</b>				
$\beta_1$ (Normalized)	1.000	.	1.000	.
$\beta_2$	-0.035	0.184	-0.337**	0.116
$\mu$ (constant)	-5.495	.	-3.252	.

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 31

Syddansk Universitet

SYDDANSK UNIVERSITET

## Kết luận

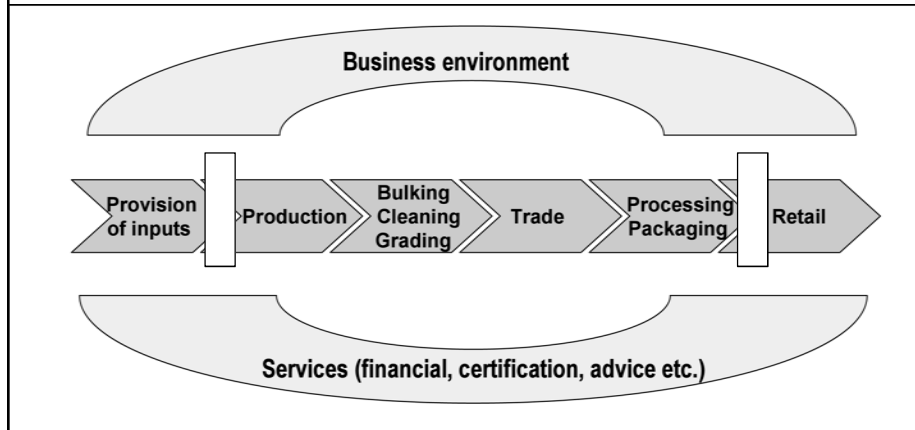
- Giá xuất khẩu chịu sự biến động từ giá nguyên liệu và giá bán lẻ;
- Không có sự liên thông trực tiếp giữa giá nguyên liệu và giá bán lẻ;
- Nhà bán lẻ dẫn dắt thị trường mặc dù giá bán lẻ liên tục giảm;

Ngành cá tra Thông TN-Nhu cầu, cạnh tranh và quản trị chuỗi 32





## Quản trị chuỗi toàn cầu



## Một số suy nghĩ (1)

- Thị trường tiềm năng còn cao và có thể mở rộng, việc giảm sản lượng XK có nhiều rủi ro: để trống thị trường cho các sản phẩm khác và sản phẩm cùng loại từ nước khác (Indonesia, Bangladesh...);
- Các DN sản xuất (nuôi+chế biến) có ảnh hưởng ít trong thị trường đầu vào (thức ăn) và thị trường đầu ra (bán lẻ) => cần chủ động tham gia;
- Vai trò nhà nhập khẩu rất quan trọng? DN chế biến có thể thay thế được không?
- Sự hợp tác giữa các DN nuôi và chế biến trong nước?



## Một số suy nghĩ (2)

- Nâng cao chất lượng nhưng đồng thời phải nâng cao hình ảnh;
- Đa dạng hóa sản phẩm? Xông khói, ướp dấm, chip&fish
- Các DN có nên thử nghiệm XK sản phẩm tươi cắt khúc?
- Công nghệ nuôi sạch, sản phẩm sinh thái?
- Phụ phẩm từ cá tra?



## Câu hỏi & Thảo luận



Xin cảm ơn!

